TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG
Bản án số: 37/2022/DS-ST.
Ngày: 10/5/2022.
V/v: "Tranh chấp nợ hụi".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Thái

2. Bà Phạm Hồng Gái

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** – Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Thế Nam** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 136/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp nợ hụi".* Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2022/QĐST – DS ngày 26/4/2022 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị N,** sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: khu phố Chòm Sao, thị trấn Hòn Đất, huyện HĐ, tỉnh KG.

2/ Bị đơn: Bà **Khưu Phương Q**, sinh năm 1983 và ông **Lê Văn H**, sinh năm 1986.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Bà **Khưu Phương Q**, sinh năm 1983 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Hòn Quéo, xã Thổ Sơn, huyện HĐ, tỉnh KG.

Chỗ ở hiện nay: số 17 đường Nghĩa Hòa, tổ 59, khu phố 6, phường 6, quận Tân Bình, Thành phố HCM.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1983 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: số 174 đường Nguyễn Bỉnh Khiêm, phường VQ, thành phố RG, tỉnh KG.

3.2. Ông Phạm Văn M, sinh năm 1972 (chồng bà N – có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố Chòm Sao, thị trấn Hòn Đất, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị N trình bày như sau:*

Vào ngày 01/8/2018 âm lịch bà Phạm Thị N có mở một dây hụi tháng 20.000.000 đồng, dây hụi có 13 hụi viên, vợ chồng bà Q và ông H là chỗ quen biết nên bà N đồng ý cho vợ chồng bà Q tham gia 01 chân. Hình thức hốt hụi là ai bỏ cao sẽ được hốt, hụi chết đóng mỗi tháng 20.000.000 đồng đến khi mãn hụi. Lần bỏ hụi đầu tiên (cùng ngày) vợ chồng bà Q bỏ 6.000.000 đồng nên được hốt đầu với số tiền là 168.000.000 đồng (12 người x 14 triệu), trừ đi 7 triệu tiền hoa hồng thì số tiền vợ chồng bà Q hốt được là 161.000.000 đồng. Bà N đã giao đủ số tiền hụi cho vợ chồng bà Q. Sau khi hốt hụi xong thì vợ chồng bà Q có đóng được 2 lần hụi chết là 40.000.000 đồng, còn lại 10 lần là 200 triệu đồng thì đến nay chưa đóng. Dây hụi trên tính đến nay đã mãn, bà N đã bỏ tiền ra để đóng hụi chết thay cho vợ chồng bà Q. Do đó nay bà N khởi kiện yêu cầu bà Khưu Phương Q và ông Lê Văn H pH trả lại cho bà số tiền hụi chết là 200.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện bà N yêu cầu bà Q và ông H pH trả lại cho bà số tiền hụi chết là 200.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bà N xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà N chỉ yêu cầu bà Q và ông H pH trả lại cho bà số tiền hụi đã nhận là 161.000.000 đồng.

** Quá trình làm việc tại Tòa và tại các bản khai bà Khưu Phương Q trình bày như sau:*

Bà Khưu Phương Q thừa nhận vào ngày 01/8/2018 âm lịch bà có nhận của bà Phạm Thị N số tiền hụi là 161.000.000 đồng. Đồng thời bà cũng thừa nhận có ký biên

nhận giao tiền hụi mà phía bà Ngân cung cấp. Tuy nhiên số tiền trên không pH xuất phát từ việc chơi hụi mà là tiền vay nhưng trả theo hình thức đóng hụi chết. Cụ thể bà Q nhận của bà N số tiền hụi là 161.000.000 đồng nhưng mỗi tháng pH đóng hụi chết là 20.000.000 đồng (đóng 12 lần là 220 triệu). Do khi đó quá cần tiền để lo công việc làm ăn trong gia đình nên bà Q đồng ý với hình thức này mặc dù lãi rất cao. Sau khi nhận tiền xong thì vợ chồng bà đã trả được số tiền là 41.000.000 đồng, việc trả tiền thì không có biên nhận gì chứng minh. Như vậy hiện tại vợ chồng chỉ còn nợ là N số tiền là 120.000.000 đồng. Theo đơn kiện bà N yêu cầu vợ chồng bà pH trả số tiền là 200.000.000 đồng thì bà không đồng ý, vợ chồng bà chỉ đồng ý trả cho bà N số tiền là 120.000.000 đồng và lãi theo quy định của pháp luật.

Đồng thời trong quá trình làm việc bà Q có trình bày: Trước đây bà có tham gia một dây hụi mùa 20 triệu đồng do bà N làm chủ, hụi sống đóng 20 triệu, hụi chết đóng 30 triệu. Bà Q tham gia 02 chân, 1 chân bà Q đứng tên, 1 phần nhờ bà H1 đứng tên dùm. Bà Q đã hốt chân hụi mà bà nhờ bà H1 đứng tên, còn lại 1 chân bà đứng tên thì bà chưa hốt, bà đã đóng được 5 lần với số tiền là 100.000.000 đồng, dây hụi đã mãn nên nay bà Q yêu cầu bà N pH giao cho bà tiền hụi sống là 150.000.000 đồng.

** Tại Biên bản ghi lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H1 trình bày như sau:*

Trước đây bà Q có nhờ bà tham gia 02 chân hụi trong dây hụi mùa do bà N làm chủ, hụi 6 tháng sổ 1 lần, hụi có 11 người tham gia, hụi sống đóng 20 triệu, hụi chết đóng 30 triệu. Bà Q đã hốt 1 chân, hốt khi nào thì bà không biết, bà H1 có hốt dùm bà Q 1 chân (lâu quá nên không nhờ thời gian), hốt hụi xong bà H1 đã giao đầy đủ tiền cho bà Q, việc giao tiền có biên nhận nhưng bà không cung cấp được do hiện bà cũng đang có 1 vụ kiện đối với vợ chồng bà Q nên toàn bộ chứng cứ bà đã cung cấp cho Tòa án. Việc bà N khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Q trả tiền số tiền hụi còn nợ thì bà không có ý kiến vì bà không liên quan gì trong vụ việc này.

** Tại biên bản ghi lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn M trình bày như sau:*

Tôi là chồng của bà Phạm Thị N. Tôi có biết sự việc chơi hụi giữa vợ tôi là bà N với vợ chồng ông Lê Văn H, bà Khưu Phương Q. Vợ tôi là chủ hụi, vào ngày 01/8/2018 âm lịch bà Phạm Thị N có mở một dây hụi tháng 20.000.000 đồng, dây hụi

có 13 hụi viên, vợ chồng bà Q và ông H là chỗ quen biết nên bà N đồng ý cho vợ chồng bà Q tham gia 01 chân. Lần bỏ hụi đầu tiên vợ chồng bà Q bỏ hụi nên được hốt đầu với số tiền là 168.000.000 đồng. Bà N đã giao đủ số tiền hụi cho vợ chồng bà Q. Sau khi hốt hụi xong thì vợ chồng bà Q có đóng được 2 lần hụi chết là 40.000.000 đồng, còn lại 10 lần là 200 triệu đồng thì đến nay chưa đóng. Dây hụi trên tính đến nay đã mãn, bà N đã bỏ tiền ra để đóng hụi chết thay cho vợ chồng bà Q. Tôi có ý kiến đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ tôi là bà N. Tôi không có yêu cầu độc lập trong vụ án này. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện bà Phạm Thị N khởi kiện yêu cầu bà Khưu Phương Q và ông Lê Văn H pH trả số tiền hụi còn nợ là 200.000.000 đồng. Bà Q và ông H cư trú tại ấp Hòn Quéo, xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Khưu Phương Q và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H1, ông Phạm Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 HĐXX giải quyết vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự HĐXX có cơ sở nhận định như sau: Vào ngày 01/8/2018 âm lịch bà Khưu Phương Q có nhận của bà Phạm Thị N số tiền hụi 161.000.000 đồng là đúng sự thật và được các bên thừa nhận nên đây là tình tiết không cần pH chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình làm việc tại Tòa án phía nguyên đơn bà N cho rằng số tiền 161.000.000 đồng các bên tranh chấp là tiền hụi, phát sinh từ dây hụi tháng 20.000.000 đồng, hụi có 13 hụi viên, vợ chồng bà Q tham gia 01 chân và hốt đầu với số tiền là 168.000.000 đồng (12 người x 14 triệu), trừ đi 7 triệu tiền hoa hồng nên số tiền vợ chồng bà Q hốt được là 161.000.000 đồng. Tuy nhiên bà Q cho rằng số tiền

161.000.000 đồng mà bà nhận từ bà N là tiền vay nhưng trả bằng hình thức đóng hụi chết.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo giấy giao hụi ngày 01/8/2018 phía bà N cung cấp (BL 03) có thể hiện chữ ký và chữ viết của bà Q, tại lời khai của mình (BL 23) phía bà Q cũng thừa nhận chữ ký và chữ viết trong giấy giao hụi ngày 01/8/2018 là của bà. Như vậy có cơ sở để xác định số tiền các bên tranh chấp phát sinh từ việc thỏa thuận góp hụi với nhau. Việc thỏa thuận giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, bà Q đã giao đủ số tiền hụi 161.000.000 đồng tương ứng với 12 phần nhân với số tiền hụi được hốt nên việc bà Q pH đóng hụi chết là phù hợp với thực tế. Quá trình làm việc bà Q trình bày đã đóng được 2 lần hụi chết điều này cũng được bà N thừa nhận, nhưng vậy còn lại 10 lần tiền hụi chết bà Q chưa thực hiện là đúng. Dây hụi tính đến nay đã mãn, do bà Q không thực hiện nghĩa vụ nên bà N đã đứng ra thực hiện nghĩa vụ đóng hụi chết thay cho bà Q. Do đó việc bà N yêu cầu bà Q và ông H pH trả cho bà số tiền hụi chết đã đóng là có cơ sở để được HĐXX xem xét chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Tại phiên tòa bà N tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Q và ông H với số tiền 39.000.000 đồng, bà chỉ yêu cầu bà Q và ông H pH trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 161.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Xét thấy việc rút đơn là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX xem xét chấp nhận.

Xét lời trình bày của bà Q: Tại các bản khai bà Q cho rằng số tiền bà nhận từ bà N là từ việc vay mượn và trả bằng hình thức góp hụi, bà đã trả được 41.000.000 đồng. Đồng thời trước đây bà có tham gia 2 chân hụi mùa 20.000.000 đồng do bà N làm chủ, bà đứng tên 1 chân và nhờ bà H1 đứng tên 1 chân. Chân hụi nhờ bà H1 đứng tên bà đã hốt xong, còn 1 chân bà đứng tên vẫn chưa hốt. Bà đã đóng được 5 lần với số tiền là 100.000.000 đồng, dây hụi đã mãn nên bà Q yêu cầu bà N pH giao cho bà số tiền hụi là 150.000.000 đồng và cấn trừ vào số nợ nêu trên. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo để bà Q cung cấp chứng cứ đối với số tiền đã trả là 41.000.000 đồng và có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu cần trừ nợ, bà Q đã nhận được đầy đủ các thông báo của Tòa án nhưng đến nay Tòa án vẫn chưa nhận được chứng cứ và đơn yêu cầu phản tố cho của Q do đó lời trình bày và yêu cầu của bà Q không có cơ sở để HĐXX xem xét.

Từ những cơ sở nêu trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để được chấp nhận. Buộc bà Khưu Phương Q và ông Lê Văn H liên đới pH trả cho bà Phạm Thị N số tiền hụi còn nợ là 161.000.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Khưu Phương Q và ông Lê Văn H pH chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.050.000 đồng (161.000.000 đồng x 5%).

Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

- Áp dụng Điều 11, khoản 1 Điều 27 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử**:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N. Buộc bà Khưu Phương Q và ông Lê Văn H liên đới pH trả cho bà Phạm Thị N số tiền hụi còn nợ là 161.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi mốt triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người pH thi hành án chậm thi hành án thì pH trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N đối với số tiền là 39.000.000 đồng.

3/. Về án phí DSST: Buộc bà Khưu Phương Q và ông Lê Văn H pH chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.050.000 đồng.

Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005482 ngày 04/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

4/. Quyền kháng cáo: Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn An